

Bản án số: 12/2024/HNGĐ - ST  
Ngày: 06/9/2024  
v/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Thảo và ông Hà Bá Khiên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Thế Anh – Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thúy Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 Năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST– HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST– HNGĐ ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: **Xóm S, xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình**. Có mặt.
- Bị đơn: Anh **Bùi Đức Đ**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: **Xóm N, xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình**. Vắng mặt không có lý do.

**NHẬN THẤY:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/2/2024, bản tự khai 28/3/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Bùi Thị L** trình bày: Chị và anh **Bùi Đức Đ** được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại **UBND xã T (nay là xã S), huyện M, tỉnh Hòa Bình** vào ngày 17/11/2008. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại nhà chồng ở **xóm N, xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình**. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân bình thường nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách lối sống nên thường xuyên cãi nhau từ đó anh **Đ** luôn đi uống rượu không quan tâm đến gia đình. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết, nên đến tháng 6 năm 2023 chị **L** đã về nhà bố mẹ đẻ của mình ở **xóm S, xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình** và sống ly thân với anh **Bùi Đức Đ** kể từ đó cho đến nay. Chị **L** nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh **Đ** nên đã yêu cầu Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh **Bùi Đức Đ**.

Về con chung: Chị và anh **Bùi Đức Đ** có 03 con chung tên là **Bùi Thị Thảo N**, sinh ngày 07/01/2010 đang học trường dân tộc nội trú **xã P, Bùi Thị Kim N1**, sinh ngày 30/7/2014 học tại **trường tiểu học xã S** và **Bùi Khánh N2**, sinh ngày 18/02/2019. Khi ly hôn chị **L** có nguyện vọng, muốn là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con, nhưng chị tôn trọng nguyện vọng của 02 con muốn ở với bố. Chị **L** nhất trí để anh **Bùi Đức**

Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con **Bùi Thị Thảo N** và **Bùi Thị Kim N1**. Chị **L** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con **Bùi Khánh N2**, sinh ngày 18/02/2019. Hai bên chưa phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nhưng cả hai đều có quyền thăm con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị **L** công nhận chị và anh **Đ** không tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị **Bùi Thị L** xin nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2024 anh **Bùi Đức Đ** có ý kiến: Anh và chị **Bùi Thị L** được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và đã được **UBND xã T** ( nay là **xã S**) đăng ký kết hôn ngày 17/11/2008. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại gia đình bố mẹ anh **Đ** ở **xóm N, xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình**. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân bình thường, nhưng đến năm 2021 anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hiểu nhau, thường xuyên cãi nhau từ đó anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau và chị **L** đã bỏ về nhà mẹ đẻ, sống ly thân với anh **Đ**. Trước đơn khởi kiện của chị **L**, anh **Đ** đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị **Bùi Thị L** có 03 con chung tên là **Bùi Thị Thảo N**, **Bùi Thị Kim N1** và **Bùi Khánh N2**. Khi ly hôn nguyện vọng của anh **Đ** muốn trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 03 con, anh **Đ** chưa yêu cầu chị **L** Cấp dưỡng nuôi con nhưng chị **L** có quyền thăm con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh **Bùi Đức Đ** công nhận anh và chị **Bùi Thị L** không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Quá trình xét xử vụ kiện anh **Đ** cố tình không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình hỏi, tranh luận đã tuân theo đúng quy định của phiên tòa dân sự sơ thẩm nên không có yêu cầu khắc phục vi phạm về thủ tục tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Mai Châu tiến hành thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh **Bùi Đức Đ** vẫn vắng mặt không có lý do nên tòa án đã áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ kiện.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị **Bùi Thị L** được ly hôn anh **Bùi Đức Đ**. Xét về điều kiện kinh tế hiện tại, nguyện vọng của chị **L** anh **Đ** và nguyện vọng của con chưa thành niên, cần giao giao cho anh **Bùi Đức Đ** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con **Bùi Thị Thảo N**, sinh ngày 07/01/2010, **Bùi Thị Kim N1**, sinh ngày 30/7/2014. Chị **Bùi Thị L** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con **Bùi Khánh N2**, sinh ngày 18/02/2019. Hai bên chưa phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nhưng cả hai đều có quyền thăm con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung Chị **Bùi Thị L** và anh **Bùi Đức Đ** công nhận không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét.

## XÉT THẤY

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự: Yêu cầu khởi kiện của chị **Bùi Thị L** về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

[2] Việc chấp hành của đương sự tại tòa án: Quá trình xét xử vụ kiện anh **Bùi Đức Đ** cố tình trốn tránh. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật và giải quyết vụ kiện theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay anh **Bùi Đức Đ** vẫn cố tình vắng mặt, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các bên đương sự, cũng như đảm bảo về thời hạn giải quyết vụ kiện, Tòa án tiến hành xét xử vụ kiện là phù hợp với khoản 1 Điều 227 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị **Bùi Thị L** và anh **Bùi Đức Đ** là hoàn toàn tự nguyện đã được UBND xã T (nay là xã S), huyện M, tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/11/2008. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình nhà chồng, tại xóm N, xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến tình cảm của nhau. Tháng 6 năm 2023 Chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở xóm S, xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình và sống ly thân với anh Đ từ đó cho đến nay. Từ những nguyên nhân trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị **Bùi Thị L** và anh **Bùi Đức Đ** là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn yêu cầu của chị **Bùi Thị L** xin được ly hôn anh **Bùi Đức Đ** là phù hợp với Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Hiện nay anh chị có 03 con chung tên là **Bùi Thị Thảo N**, sinh ngày 07/01/2010, **Bùi Thị Kim N1**, sinh ngày 30/7/2014 và **Bùi Khánh N2**, sinh ngày 18/02/2019. Hiện cháu **Bùi Thị Thảo N** đang học tập tại trường PTTT Dân tộc nội trú xã P, cháu **Bùi Thị Kim N1** đang học lớp 4 trường tiểu học xã S nguyện vọng của hai cháu muốn ở cùng với bố. Xét về điều kiện kinh tế của chị **Bùi Thị L** và anh **Bùi Đức Đ** đều thuộc diện hộ cận nghèo trên cơ sở nguyện vọng của con chưa thành niên với mục đích để cho các cháu ổn định học tập. Hội đồng xét xử giao cho anh **Bùi Đức Đ** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con **Bùi Thị Thảo N** và **Bùi Thị Kim N1**. Chị **Bùi Thị L** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con **Bùi Khánh N2**. Hai bên chưa phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nhưng cả hai đều có quyền thăm con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, căn cứ vào Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Bùi Thị L** và anh **Bùi Đức Đ** công nhận hiện nay không có nên Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Bùi Thị L** phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 3 điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bùi Thị L**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Bùi Thị L** được ly hôn anh **Bùi Đức Đ**.

2. Về con chung: Giao cho anh **Bùi Đức Đ** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con **Bùi Thị Thảo N**, sinh ngày 07/01/2010, **Bùi Thị Kim N1**, sinh ngày 30/7/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Giao cho chị **Bùi Thị L** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con **Bùi Khánh N2**, sinh ngày 18/02/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Hai bên chưa phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nhưng cả hai đều có quyền thăm con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị **Bùi Thị L** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0003643 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên tòa án tỉnh Hòa Bình để xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo cùng thời hạn kể từ ngày tòa án thực hiện thủ tục cấp tổng đạt bản án.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh HB
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND huyện MC;
- THA dân sự;
- UBND xã Sơn Thủy;
- (đăng ký ngày 17/11/2008)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ
- Lưu cặp án

**TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
( đã ký)

**Nguyễn Hồng Hưng**